ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
Trường ĐH Khoa học Tự nhiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN CAO HỌC

Ngành: **TOÁN ỨNG DỤNG - Chuyên ngành GIÁO DỤC TOÁN HỌC K29**

Mã môn học: **MTT001** Khóa:
Tên môn học: **GIẢI TÍCH HÀM NÂNG CAO** Số tiết: **60**
Ngày thi: **14g00 ngày 24/6/2020** Phòng thi **C32**
Giảng viên phụ trách môn học: **PGS.TS. ĐINH NGỌC THANH**
Cán bộ coi thi: Thư, Quí, Thảo

(*) Điểm giữa kỳ và cuối kỳ chấm trên thang điểm 10

STT	MÃ SỐ HV	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên dự thi	Kết quả thi		
								Giữa kỳ (30 %)	Cuối kỳ (70 %)	Điểm TB
1	19C29001	Dương Thị Xuân	An	04/01/1968	Lâm Đồng	2		10	7	8
2	19C29003	Trần Tôn Nữ Ngọc	Giàu	07/08/1994	Bình Dương	1		10	7	8
3	19C29004	Vũ Đức	Nam	20/01/1996	Thái Bình	1		9	5	6
4	19C29005	Trương Ngọc Minh	Nguyệt	24/07/1996	TP.HCM	1		9	5	6
5	19C29006	Nguyễn Quỳnh	Như	24/08/1988	Tây Ninh	1		9	2	4
6	19C29007	Phạm Thanh	Phong	31/03/1986	Bến Tre	1		9	6	7
7	19C29008	Lê Đình	Quán	17/11/1993	Quảng Ngãi	2		9	8	8.5
8	19C29009	Phạm Phú Minh	Quân	12/08/1989	TP.HCM					
9	19C29011	Phạm Ngọc	Sáng	17/12/1994	Bình Phước	1		9	6	7
10	19C29012	Nguyễn Văn	Tâm	06/11/1986	Bến Tre	1		9	7	7.5
11	19C29014	Trần Thanh	Thảo	10/06/1990	Bến Tre	1		10	5	6.5
12	19C29015	Võ Đăng	Thi	16/07/1996	BR-VT	1		10	7	8
13	19C29017	Lê Thị Thủy	Tiên	05/10/1989	Tây Ninh	1		9	8	8.5
14	19C29018	Dương Minh	Tới	14/07/1985	Tiền Giang	1		9	6	7
15	19C29019	Lê Thị Bích	Trầm	10/12/1989	Ninh Thuận	1		8	7	7.5
16	19C29020	Võ Minh Hoàng	Vũ	14/11/1996	TP.HCM	2		8	5	6
17	19C29021	Trịnh Thị Tường	Vy	18/10/1996	Sông Bé	1		10	8	8.5
18	19C29022	Đỗ Duy	An	01/05/1997	TP.HCM	1		10	6	7
19	19C29023	Phan Thị Thùy	An	16/12/1997	Bình Dương					
20	19C29024	Lương Công	Bằng	16/07/1997	Khánh Hòa	1		10	5	6.5
21	19C29025	Nguyễn Hoàng	Hiệp	25/03/1997	Hà Nội					
22	19C29026	Nguyễn Tấn	Hiếu	13/04/1997	TP.HCM	1		10	6	7
23	19C29027	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	07/06/1985	Bến Tre	1		9	6	7
24	19C29028	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	26/04/1996	Đồng Nai	1		10	7	8

STT	MÃ SỐ HV	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên dự thi	Kết quả thi		
								Giữa kỳ (… %)	Cuối kỳ (… %)	Điểm TB
25	19C29029	Châu Hòa	Nhân	05/11/1997	Long An	1	nhu	10	10	10
26	19C29030	Trần Thị Cẩm	Tú	15/03/1988	Long An	1	Tu	9	6	7
27	19C29031	Nguyễn Ngọc Hà	Vy	18/12/1997	TP. HCM	2	Vy	10	9	9.5

Tp. HCM, ngày … tháng … năm 20 …

Cán bộ chấm thi

Trần Ngọc Thanh

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
Trường ĐH Khoa học Tự nhiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN CAO HỌC

Ngành: **TOÁN ỨNG DỤNG - Chuyên ngành GIÁO DỤC TOÁN HỌC K29**

Mã môn học: **MTT001** Khóa:
Tên môn học: **GIẢI TÍCH HÀM NÂNG CAO** Số tiết: **60**
Ngày thi: Phòng thi:
Giảng viên phụ trách môn học: **PGS.TS. ĐINH NGỌC THANH**
Cán bộ coi thi:

(*) Điểm giữa kỳ và cuối kỳ chấm trên thang điểm 10

STT	MÃ SỐ HV	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên dự thi	Kết quả thi		
								Giữa kỳ (… %)	Cuối kỳ (… %)	Điểm TB
1	19C29001	Dương Thị Xuân	An	04/01/1968	Lâm Đồng			10		
2	19C29003	Trần Tôn Nữ Ngọc	Giàu	07/08/1994	Bình Dương			10		
3	19C29004	Vũ Đức	Nam	20/01/1996	Thái Bình			9		
4	19C29005	Trương Ngọc Minh	Nguyệt	24/07/1996	TP.HCM			9		
5	19C29006	Nguyễn Quỳnh	Như	24/08/1988	Tây Ninh			9		
6	19C29007	Phạm Thanh	Phong	31/03/1986	Bến Tre			9		
7	19C29008	Lê Đình	Quán	17/11/1993	Quảng Ngãi			9		
8	19C29009	Phạm Phú Minh	Quân	12/08/1989	TP.HCM					
9	19C29011	Phạm Ngọc	Sáng	17/12/1994	Bình Phước			9		
10	19C29012	Nguyễn Văn	Tâm	06/11/1986	Bến Tre			9		
11	19C29014	Trần Thanh	Thảo	10/06/1990	Bến Tre			10		
12	19C29015	Võ Đăng	Thi	16/07/1996	BR-VT			10		
13	19C29017	Lê Thị Thủy	Tiên	05/10/1989	Tây Ninh			9		
14	19C29018	Dương Minh	Tới	14/07/1985	Tiền Giang			9		
15	19C29019	Lê Thị Bích	Trầm	10/12/1989	Ninh Thuận			8		
16	19C29020	Võ Minh Hoàng	Vũ	14/11/1996	TP.HCM			8		
17	19C29021	Trịnh Thị Tường	Vy	18/10/1996	Sông Bé			10		
18	19C29022	Đỗ Duy	An	01/05/1997	TP.HCM			10		
19	19C29023	Phan Thị Thùy	An	16/12/1997	Bình Dương			10		
20	19C29024	Lương Công	Bằng	16/07/1997	Khánh Hòa			10		
21	19C29025	Nguyễn Hoàng	Hiệp	25/03/1997	Hà Nội					
22	19C29026	Nguyễn Tấn	Hiếu	13/04/1997	TP.HCM			10		
23	19C29027	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	07/06/1985	Bến Tre			9		
24	19C29028	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	26/04/1996	Đồng Nai			10		

STT	MÃ SỐ HV	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên dự thi	Kết quả thi		
								Giữa kỳ (… %)	Cuối kỳ (… %)	Điểm TB
25	19C29029	Châu Hòa	Nhân	05/11/1997	Long An		nhan	10		
26	19C29030	Trần Thị Cẩm	Tú	15/03/1988	Long An			9		
27	19C29031	Nguyễn Ngọc Hà	Vy	18/12/1997	TP. HCM			10		

Tp. HCM, ngày … tháng … năm 20 …

Cán bộ chấm thi